

Số: 60/2018/QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày 03 tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý hoạt động khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn ban hành kèm theo Quyết định số 18/2015/QĐ-UBND, ngày 30/6/2015 của UBND tỉnh Lạng Sơn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Thông tư số 20/2017/TT-BCT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;

Căn cứ Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 109/TTr-SCT ngày 20 tháng 11 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý hoạt động khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn ban hành kèm theo Quyết định số 18/2015/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn, cụ thể như sau :

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

“Điều 4. Ngành nghề được hỗ trợ kinh phí khuyến công

Ngành nghề được hỗ trợ kinh phí khuyến công thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Điều 5 Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công và quy định tại Điều 5 Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012; Khoản 4, Điều 1 Thông tư 20/2017/TT-BCT ngày 29 tháng 9 năm 2017 sửa đổi bổ sung một số điều Thông tư 46/2012/TT-BCT ngày 28/12/2012”.

2. Sửa đổi Khoản 2, Điều 5 như sau:

2. Theo quy định tại Khoản 3, Khoản 4, Khoản 5, Điều 5 Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công”.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:

“Điều 6. Nguyên tắc ưu tiên

Thực hiện Điều 6 Thông tư 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012; Khoản 5, Khoản 6, Khoản 7 Điều 1 Thông tư 20/2017/TT-BCT ngày 29 tháng 9 tháng 2017 sửa đổi bổ sung một số điều Thông tư 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012”.

4. Sửa đổi Điều 7 như sau:

“Điều 7. Nội dung chi hoạt động khuyến công

Thực hiện theo Điều 6 Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công”.

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

a) Sửa đổi Khoản 1 Điều 8:

“1. Mức chi chung:

a) Thực hiện theo các Khoản 1, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 Điều 7 Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công”.

b) Chi tổ chức đào tạo nghề, truyền nghề áp dụng theo Quyết định số 252/QĐ-UBND ngày 06 tháng 02 năm 2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt định mức chi phí đào tạo cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

b) Sửa đổi Điểm b, Khoản 2, Điều 8:

“b) Chi hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật để phổ biến công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới trên địa bàn cấp huyện, bao gồm các chi phí: Xây dựng, mua máy móc thiết bị; hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ, quy trình sản xuất, phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật. Mức hỗ trợ như sau:

- Mô hình có chi phí dưới 5.000 triệu đồng: Hỗ trợ tối đa 30% chi phí nhưng không quá 750 triệu đồng/mô hình;

- Mô hình có chi phí từ 5.000 triệu đồng trở lên: Hỗ trợ không quá 1.000 triệu đồng/mô hình.

Mức hỗ trợ đối với các cơ sở công nghiệp nông thôn đang hoạt động có hiệu quả cần phổ biến tuyên truyền, nhân rộng để các tổ chức cá nhân khác học tập; bao gồm các chi phí: Hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ; hoàn thiện quy trình sản xuất, phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật. Mức hỗ trợ không quá

100 triệu đồng/mô hình.”

c) Sửa đổi, bổ sung Điểm c, Khoản 2, Điều 8:

“c) Chi hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, chuyển giao công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp. Mức hỗ trợ cụ thể như sau:

- Chi phí ứng dụng, chuyển giao công nghệ dưới 600 triệu đồng: Hỗ trợ tối đa 50% chi phí nhưng không quá 200 triệu đồng/cơ sở;

- Chi phí ứng dụng, chuyển giao công nghệ từ 600 triệu đồng trở lên: Hỗ trợ không quá 300 triệu đồng/cơ sở.

- Trường hợp chi hỗ trợ dây chuyền công nghệ thì mức hỗ trợ tối đa không quá 1,5 lần mức hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, chuyển giao công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp”.

d) Sửa đổi, bổ sung Điểm đ, Điểm e, Điểm g, Khoản 2, Điều 8:

“đ) Chi tổ chức bình chọn và trao Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện, cấp tỉnh:

- Chi cho tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện, cấp tỉnh. Mức hỗ trợ không quá 50 triệu đồng/lần đối với cấp huyện và 100 triệu đồng/lần đối với cấp tỉnh;

- Chi thưởng cho sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu được bình chọn bao gồm: Giấy chứng nhận, khung, kỷ niệm chương và tiền thưởng. Đạt giải cấp huyện được thưởng không quá 03 triệu đồng/sản phẩm; đạt giải cấp tỉnh được thưởng không quá 04 triệu đồng/sản phẩm”.

e) Chi hỗ trợ xây dựng và đăng ký nhãn hiệu đối với các sản phẩm công nghiệp nông thôn. Mức hỗ trợ tối đa không quá 35 triệu đồng/nhãn hiệu;

g) Chi hỗ trợ thuê tư vấn, trợ giúp các cơ sở công nghiệp nông thôn trong các lĩnh vực: Lập dự án đầu tư; phát triển thị trường; quản lý sản xuất, tài chính, kế toán, nhân lực; thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói; ứng dụng công nghệ, thiết bị mới. Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí, nhưng không quá 35 triệu đồng/cơ sở”.

đ) Sửa đổi, bổ sung Điểm o, Điểm p, Khoản 2, Điều 8:

“o) Chi hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp, bao gồm: san lấp mặt bằng, đường giao thông nội bộ, hệ thống cấp nước, thoát nước, hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại các cụm công nghiệp. Mức hỗ trợ không quá 300 triệu đồng/ha, nhưng không quá 6.000 triệu đồng/cụm công nghiệp.

p) Chi quản lý chương trình đề án khuyến công:

- Cơ quan quản lý kinh phí khuyến công được sử dụng tối đa 1,5% kinh phí khuyến công do cấp có thẩm quyền giao dự toán ngân sách hàng năm để hỗ trợ xây dựng các chương trình, đề án, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu: thuê chuyên gia, lao động (nếu có); chi làm thêm giờ theo chế độ quy định; văn phòng phẩm, điện thoại, bưu chính, điện nước; chi công tác phí, xăng dầu, thuê

xe đi kiểm tra (nếu có); chi thẩm định, xét chọn, nghiệm thu chương trình, đề án khuyến công; chi khác (nếu có);

- Đối với tổ chức thực hiện hoạt động dịch vụ khuyến công: đơn vị triển khai thực hiện đề án khuyến công được chi tối đa 3% dự toán đề án khuyến công để chi cho công tác quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, chi khác (nếu có).”

e) Bổ sung Điểm q, Điểm r, Khoản 2, Điều 8:

“q) Chi tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo; chi thù lao cho công tác viên khuyến công; chi hỗ trợ các phòng trưng bày để giới thiệu, quảng bá sản phẩm ở cơ sở công nghiệp nông thôn: Mức chi theo quy định tại các Khoản 19, 20, 21 Điều 8 Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công.

r) Chi hỗ trợ xây dựng mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp cho các cơ sở sản xuất công nghiệp; bao gồm các chi phí: Thay thế nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu; đổi mới máy móc thiết bị, dây chuyền công nghệ; đào tạo nâng cao năng lực quản lý; đào tạo nâng cao trình độ tay nghề công nhân; tiêu thụ sản phẩm; hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ, quy trình sản xuất phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật. Mức hỗ trợ tối đa 30% chi phí nhưng không quá 500 triệu đồng/ mô hình”.

6. Sửa đổi Điểm b, Khoản 1 Điều 9 như sau:

“b) Danh mục đề án, nhiệm vụ đăng ký kế hoạch khuyến công địa phương quy định tại Khoản 2 Điều 8 Quy chế này”;

7. Sửa đổi Khoản 4 Điều 9 như sau:

“4. Sở Công Thương căn cứ vào mục tiêu, yêu cầu, nội dung quy định tại quy chế này và các văn bản hiện hành tiến hành thẩm định các đề án khuyến công địa phương, tổng hợp Danh mục đề án khuyến công trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt trước ngày 30/11 của năm trước năm kế hoạch”.

8. Sửa đổi Điều 10 như sau:

“Điều 10: Lập dự toán và phân bổ kinh phí khuyến công tỉnh

1. Căn cứ vào Chương trình khuyến công giai đoạn được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và mức chi quy định tại Điều 8 Quyết định này, Sở Công Thương lập dự toán kinh phí khuyến công địa phương, tổng hợp vào Dự toán ngân sách nhà nước chung của ngành Công Thương, gửi Sở Tài chính tổng hợp vào Dự toán ngân sách địa phương trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định hiện hành.

2. Căn cứ kế hoạch và dự toán được Ủy ban nhân dân tỉnh giao, Sở Công Thương thực hiện phân bổ kinh phí chương trình khuyến công địa phương cho các đơn vị và nội dung quy định tại Quyết định này gửi Sở Tài chính kiểm tra theo quy định hiện hành”.

9. Sửa đổi Khoản 2, Khoản 3 Điều 9 và Điều 14 như sau:

Thay đổi cụm từ “Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp” thành cụm từ “Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại”.

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Công Thương, Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2018./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Cục Kiểm tra Văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Cục CTĐP - Bộ Công Thương;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Báo Lạng Sơn, Đài PT-TH tỉnh;
- Công báo tỉnh, Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- PCVP UBND tỉnh, các phòng CM;
- Lưu: VT, KTN(HVT).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Ngọc Thương